

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **55/2023/HS-ST**
Ngày: 28/6/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Trọng Danh**

Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phi Hùng**

Ông **Nguyễn Viết Dũng**

Bà **Phan Thị Thuận Nhi**

Thư ký phiên toà: Ông **Từ Văn Hoàng Linh** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 75/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

ĐẶNG ĐỨC D, sinh ngày xx/xx/19xx tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Tổ xx, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Kxx Lê Đình Ky, tổ xx, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị L. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2022, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Đức D:* Luật sư **Ông Quốc C** – Công ty luật TNHH Đ&C, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị hại:*

1/ Ông **Lê Duy L**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường M, quận NS, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Ông **Nguyễn Lương H1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn PS x, xã HK, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

3/ Bà **Nguyễn Hồ Cẩm N**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn CN, xã DH, thị xã B, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Huỳnh Anh T**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xxx Trần Cao Vân, phường TT, quận K, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

2/ Ông **Phan Văn D**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Ngô Nhân Tịnh, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

3/ Ông **Đặng Đức T1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

4/ Ông **Ngô Công V**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Hẻm x, tổ x, khu phố xx, TD, BH, Đồng Nai. Vắng mặt.

5/ Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Hòa An xx, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

6/ Bà **Lê Thị D1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xx Nguyễn Đình Tứ, tổ xx, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

7/ Ông **Đặng Văn T3**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV XXX (sau đây gọi tắt là Công ty XXX) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 040174xxxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/3/2016, đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là gia công cơ khí, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng: xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng,...; địa chỉ trụ sở chính tại:

3xx Nguyễn Công Hoan, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật là Đặng Đức D với chức danh Giám đốc, tuy nhiên, thực tế ông Đặng Văn T3 (bố ruột của D) là người quản lý, điều hành còn D không tham gia hoạt động gì của Công ty.

Do hoạt động kinh doanh thua lỗ nên từ đầu năm 2017, công ty XXX dừng hoạt động. Tuy nhiên, D vẫn còn giữ con dấu và giấy tờ đăng ký doanh nghiệp của công ty. Cũng thời điểm này, gia đình D chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ số 3xx Nguyễn Công Hoan, phường H, quận C cho người khác. Ngày 29/3/2019, Chi cục Thuế quận C ra thông báo số 839/TB-CCT về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Khoảng tháng 5/2020, do cần tiền sử dụng cá nhân, Đặng Đức D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách truy cập vào nhóm “Tìm bạn khởi nghiệp tại Đà Nẵng” trên mạng xã hội facebook, tìm người có nhu cầu góp vốn kinh doanh để tiếp cận. Khi liên hệ được với những người này, D sử dụng tư cách pháp nhân của công ty XXX, giới thiệu là Giám đốc công ty, đưa thông tin gian dối về việc công ty đang thực hiện các dự án thi công nhà thép tiền chế tại thành phố Đà Nẵng và nhiều địa bàn khác nhau với lợi nhuận cao (từ 33% đến 41%) để các bị hại tin tưởng góp vốn vào rồi chiếm đoạt.

Bằng thủ đoạn như trên, từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2022, D thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt của anh Lê Duy L số tiền 587.000.000 đồng:

Tháng 5/2020, D truy cập nhóm “Tìm bạn khởi nghiệp tại Đà Nẵng” thì thấy bài đăng của anh Lê Duy L trên tài khoản facebook mang tên “Coco Zary” giới thiệu đang làm việc tại Nhật Bản, có vốn nhàn rỗi cần tìm người hợp tác kinh doanh. D liên hệ với anh L giới thiệu dự án nhà thép tiền chế. Anh L nhờ bạn là Trần Tiến D2 đến gặp D tìm hiểu thông tin. Qua trao đổi, D đã dẫn anh D2 đến một xưởng gia công cơ khí tại đường Lê Trọng Tấn, thành phố Đà Nẵng, nói dối đây là xưởng sản xuất của Công ty XXX. Sau khi nghe anh D1 kể lại những nội dung này, anh L tin tưởng và thống nhất góp vốn kinh doanh với D.

Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 24/8/2021, anh L và D ký kết các Hợp đồng hợp tác thi công nhà tiền chế tại các dự án đường Kinh Dương Vương, thành phố Đà Nẵng, dự án Nhà máy may Phú Bài (tỉnh Thừa Thiên Huế), dự án xây dựng Nhà máy may tại khu kinh tế Nhơn Hội (xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định),

dự án xây nhà làm việc tại Khu du lịch Bà Nà Hill, dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Công ty Fujikura tại Thành Hải (tỉnh Ninh Thuận), dự án Nhà xưởng công nghiệp tại Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc (thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Thời hạn góp vốn từ 01 tháng đến 03 tháng, lợi nhuận từ 33% - 35%/tổng số vốn góp. Ngoài ra, để anh L tin tưởng dự án có lợi nhuận, tại một số hợp đồng, D nói dùng tiền gốc và lợi nhuận của các hợp đồng trước chuyển sang nên không cần góp thêm.

Sau khi ký kết các hợp đồng, từ ngày 01/6/2020 đến ngày 24/8/2021, anh L thực hiện 12 giao dịch chuyển khoản tổng cộng 587.000.000 đồng vào tài khoản số 1008702xxxxx mang tên Đặng Đức D tại Ngân hàng Vietinbank. D trả lại cho anh L 7.000.000 đồng, còn 580.000.000 đồng hiện chưa trả lại.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt của anh Nguyễn Lương H1 số tiền 1.431.200.000 đồng:

Khoảng tháng 6/2020, D tạo tài khoản facebook mang tên “Khí Cơ”, đặt hình ảnh đại diện là nhà thép tiền chế. D đã sử dụng tài khoản này truy cập vào nhóm “Tìm bạn khởi nghiệp tại Đà Nẵng” để đăng bài với nội dung “cần huy động vốn thực hiện dự án thi công nhà thép tiền chế, cam kết lợi nhuận cao”. Sau khi D đăng bài, anh Nguyễn Lương H1 dùng tài khoản Facebook tên “Nguyễn Lương H1” vào tương tác. D nhấn tin đưa ra các thông tin gian dối về hoạt động xây dựng nhà thép tiền chế, cam kết lợi nhuận cao và dẫn anh H1 đến xưởng gia công cơ khí tại đường Lê Trọng Tấn, thành phố Đà Nẵng nói dối đây là xưởng sản xuất của công ty XXX.

Anh H1 tin tưởng các dự án là có thật nên từ tháng 6/2020 đến ngày 14/7/2022, anh H1 và D ký kết các Hợp đồng góp vốn tại các dự án: dự án xây dựng nhà xưởng tại các tỉnh Quảng Bình, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, thành phố Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận), thành phố Cần Thơ, dự án xây dựng nhà xưởng tại Sân bay Đà Nẵng. Thời hạn góp vốn từ 20 ngày đến 80 ngày, lợi nhuận từ 40% - 41%/tổng số vốn góp. Ngoài ra, để anh H1 tin tưởng dự án có lợi nhuận, tại một số hợp đồng, D nói dùng tiền gốc và lợi nhuận của các hợp đồng trước chuyển sang nên không cần góp thêm.

Sau khi ký kết các hợp đồng, từ tháng 6/2020 đến ngày 14/7/2022, anh H1 nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản tổng cộng 1.431.200.000 đồng vào tài khoản số 797908xxxxx mang tên Đặng Đức D tại Ngân hàng TP Bank. D trả lại cho anh H1 73.800.000 đồng, còn 1.357.400.000 đồng hiện chưa trả lại.

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt của bà Nguyễn Hồ Cẩm N số tiền 340.200.000 đồng:

Khoảng tháng 03/2022, D quen biết và có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Hồ Cẩm N. Để có tiền sử dụng cá nhân, D nói dối với bà N công ty XXX do D làm Giám đốc đang thi công công trình sắt thép ở xã Điện Ngọc và huyện Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam), đang cần tiền để chi trả lương cho công nhân, mua máy hàn để phục vụ công việc để hỏi mượn tiền của bà N rồi chiếm đoạt.

Tin lời D là thật nên từ tháng 03/2022 đến ngày 08/8/2022, bà N nhiều lần đưa cho D tổng cộng 340.200.000 đồng, trong đó có 01 lần đưa tiền mặt 18.000.000 đồng, số còn lại chuyển khoản từ tài khoản Techcombank số 190364639xxxxx của bà N đến các tài khoản mang tên Đặng Đức D tại các ngân hàng TP Bank số 797908xxxxx, Techcombank số 190354985xxxxx, Vietcombank số 00410001xxxxx. Đồng thời, để bà N tin tưởng, D yêu cầu chuyển vào các tài khoản để trả lương cho công nhân thực chất là các tài khoản người quen của D, gồm các tài khoản số 00410003xxxxx mang tên Lê Thị D1 tại Ngân hàng Vietcombank (số tiền 1.000.000 đồng), số 174xxxxx mang tên Phan Văn D tại Ngân hàng ACB (số tiền 5.000.000 đồng), số 06310004xxxxx mang tên Ngô Công V tại Ngân hàng Vietcombank (số tiền 5.000.000 đồng), số 99907966xxxxx mang tên Huỳnh Anh T tại Ngân hàng MB Bank (số tiền 22.000.000 đồng), số 00410006xxxxx mang tên Nguyễn Văn T2 tại Ngân hàng Vietcombank (số tiền 18.200.000 đồng).

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bà N, D sử dụng tiêu xài cá nhân hết, khi bà N yêu cầu trả tiền, D lập giấy vay mượn tiền và hứa hẹn trả trước ngày 20/8/2022 nhưng đến nay không trả.

Tổng cộng Đặng Đức D nhận và chiếm đoạt của 03 bị hại số tiền **2.358.400.000 đồng.**

Quá trình xác minh các dự án liên quan:

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp xác định trong khoảng thời gian từ tháng 04/2021 đến nay không có dự án xây dựng nhà máy may nào trên địa bàn phường Phú Bài và Khu công nghiệp Phú Bài.

- Xác minh tại Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định xác định trong thời gian từ ngày 01/4/2021 đến nay Ban quản lý không cấp chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty TNHH MTV XXX để đầu tư xây dựng dự án nhà

máy may tại Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận và Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận xác định từ trước đến nay trên địa bàn xã Thành Hải không có dự án xây dựng nhà máy sản xuất của Công ty Fujikura.

- Xác minh tại Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã B, tỉnh Quảng Nam: từ thời điểm tháng 7/2021 đến nay không có công ty, doanh nghiệp nào đầu tư dự án mới tại Khu công nghiệp. Đối với dự án xây dựng nhà xưởng từ tháng 7/2021 đến nay, trên địa bàn khu công nghiệp có 01 dự án xây dựng nhà xưởng của Chi nhánh công ty TNHH Dệt Vĩnh Phúc, việc thi công đã bắt đầu tiến hành từ năm 2020, hiện nay dự án vẫn đang tiếp tục thi công. Công ty TNHH MTV XXX không thực hiện dự án đầu tư, không liên hệ nộp giấy phép xây dựng nhà xưởng, nhà máy và hoàn toàn không có bất cứ quan hệ gì với Ban quản lý Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc từ trước đến nay.

- Xác minh tại Công ty TNHH Dệt Vĩnh Phúc xác định: từ trước đến nay công ty không có bất kỳ quan hệ gì với công ty TNHH MTV XXX và cá nhân Đặng Đức D.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà xác định từ tháng 5/2021 đến nay, công ty không triển khai hạng mục nhà làm việc; không ký hợp đồng thi công xây dựng với công ty TNHH MTV XXX hoặc cá nhân Đặng Đức D.

Ngày 28/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng có Quyết định trưng cầu giám định số 69 đối với chữ viết, chữ ký trên “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 25/7/2022 (ký hiệu A1) và “Giấy cho vay tiền” ngày 05/7/2022 (ký hiệu A2).

Theo Kết luận giám định số 1728/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: chữ viết phần nội dung và chữ viết ghi họ tên Đặng Đức D dưới các mục “Người viết giấy” và “Bên vay” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết ghi tên Đặng Đức D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra; chữ ký mang tên Đặng Đức D dưới các mục “Người viết giấy” và “Bên vay” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Đặng Đức D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra.

Ngày 12/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng có Quyết định trưng cầu giám định số 09/QĐ-CSĐT-KT trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Đức D và hình dấu có nội dung vòng trong “CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XXX” trên các tài liệu là 07 “Hợp đồng góp vốn kinh doanh” ghi các ngày 04/3/2021, 11/3/2021, 17/4/2021, 13/01/2022 (02 bản), 17/3/2022 và 20/4/2022 (ký hiệu từ A1 đến A7); 03 “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” cùng số 01/HDHTKD đều không ghi ngày (ký hiệu A8 đến A10); 01 “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ghi ngày 30/12/2021 (ký hiệu A11); 01 “Bản cam kết” ghi ngày 08/6/2022 (ký hiệu A12); 01 “Cam kết trả nợ” ghi ngày 06/8/2022 (ký hiệu A13); 01 “Giấy cam kết” ghi ngày 06/7/2022 (ký hiệu A14).

Theo Kết luận giám định số 155/KL-KTHS ngày 01/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Đức D trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A14 so với chữ viết, chữ ký của Đặng Đức D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết và ký ra; hình dấu có nội dung vòng trong “CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XXX” trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A11 so với hình dấu của Công ty TNHH MTV XXX trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 do cùng một con dấu đóng ra.

*** Tang vật thu giữ:** 01 con dấu của Công ty TNHH MTV XXX.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 61/CT-VKS-P2 ngày 16/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Đặng Đức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Đức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Đức D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Đặng Đức D mức hình phạt từ 14 năm đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đặng Đức D phải trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho ông Nguyễn Lương H1 và bà Nguyễn Hồ Cẩm N. Đối với bị hại Lê Duy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy đối với 01 con dấu của công ty TNHH MTV XXX.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Đức D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có tranh luận cũng như không trình bày lời nói sau cùng.

Luật sư Ông Quốc C bào chữa cho bị cáo có quan điểm bào chữa: Thống nhất với tội danh, điểm khoản điều luật mà Viện kiểm sát truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” do thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo vẫn còn buôn bán điện thoại trên mạng. Hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị hại Nguyễn Lương H1 và Nguyễn Hồ Cẩm N đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt đồng thời đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại ông Lê Duy L và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người này đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ; họ đã có lời khai trong quá trình điều tra; ông Lê Duy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và những vấn đề khác:

[2.1] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Đặng Đức D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định về chữ viết, chữ ký và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Từ tháng 5/2020 đến ngày 08/8/2022, Đặng Đức D sử dụng pháp nhân của công ty TNHH MTV XXX do D đứng tên làm Giám đốc, đưa ra thông tin gian dối về việc công ty đang thực hiện các dự án thi công nhà thép tiền chế cho các nhà máy, dự án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tỉnh thành khác với lợi nhuận cao, thời gian thu hồi vốn ngắn hoặc đưa thông tin gian dối cần tiền để mua sắm máy móc phục vụ việc thi công công trình, trả lương cho công nhân để các bị hại tin tưởng, góp vốn kinh doanh hoặc đưa tiền rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Tổng cộng Đặng Đức D đã chiếm đoạt của 03 bị hại với tổng số tiền 2.358.400.000 đồng.

[2.2] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng để có tiền tiêu xài cho nhu cầu cá nhân, bị cáo đã bất chấp quy định pháp luật, chiếm đoạt của 03 bị hại với số tiền lớn, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian dài, để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo hơn 05 lần đưa ra thông tin gian dối rồi chiếm đoạt tiền của 03 bị hại. Bị cáo không có nghề nghiệp và đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được làm nguồn sống của bản thân nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính

chất chuyên nghiệp” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bị cáo trả lại tiền cho bị hại là thủ đoạn gian dối để tạo lòng tin đối với bị hại, làm bị hại tin tưởng dự án của bị cáo là có thật, lợi nhuận thật từ đó tiếp tục chiếm đoạt tiền của bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Lương H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.357.400.000 đồng và bà Nguyễn Hồ Cẩm N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 340.200.000 đồng đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Đặng Đức D phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho ông Nguyễn Lương H1 và bà Nguyễn Hồ Cẩm N.

Bị hại ông Lê Duy L có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông L không yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Công ty TNHH MTV XXX đã ngừng hoạt động từ năm 2017 nhưng bị cáo D vẫn quản lý con dấu của công ty và sử dụng vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu tiêu hủy đối với con dấu này.

[2.6] Đối với những vấn đề khác trong vụ án:

- Quá trình điều tra, Đặng Đức D khai sử dụng số tiền chiếm đoạt của các bị hại để đánh bạc bằng hình thức mua thẻ cào điện thoại, nhập mã để chơi cá độ bóng đá qua các website trên mạng internet nhưng do thời gian đã lâu, các trang website thường xuyên bị chặn hoặc nhiều lần thay đổi tên miền hoặc phải chuyển qua trang khác nên D không nhớ được trang web tham gia cũng như tài khoản dùng để đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với việc D có chụp ảnh Chứng minh nhân dân của D, dùng phần mềm máy tính chỉnh sửa thông tin nơi cư trú của mình rồi gửi hình ảnh này cho bà Nguyễn Hồ Cẩm N qua zalo, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được bản Chứng minh nhân dân chỉnh sửa này, đồng thời đây là “dữ liệu điện tử”, không phải tài liệu của cơ quan, tổ chức nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đặng Đức D về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với ông Đặng Văn T3 là người quản lý, điều hành hoạt động của Công ty TNHH MTV XXX, thời điểm Đặng Đức D thực hiện hành vi phạm tội, công ty đã ngưng hoạt động, ông T3 không biết việc D sử dụng pháp nhân công ty để ký kết các hợp đồng góp vốn nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T3 là có cơ sở.

- Đối với Lê Thị D1, Phan Văn D, Ngô Công V, Huỳnh Anh T, Đặng Đức T1 và Nguyễn Văn T2 là những người nhận tiền do bà Nguyễn Hồ Cẩm N chuyển đến và chuyển cho D nhưng không biết đây là tiền do D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[2.7] Về án phí: Bị cáo Đặng Đức D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Đức D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Đặng Đức D: 15 (mười lăm) năm tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 27/12/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đặng Đức D:

Bồi thường cho ông Nguyễn Lương H1 số tiền 1.357.400.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Hồ Cẩm N số tiền 340.200.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của công ty TNHH MTV XXX. (Vật chứng này hiện đang được Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2023)

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Đức D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 62.928.000 đồng (sáu mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- CQ CSĐT CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Trọng Danh

- Lưu hồ sơ.